

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2017

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIỀN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	4 - 5
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	6 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIỀN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2017

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		253.513.180.508	292.547.340.068
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	89.871.417.916	89.130.478.094
111	1. Tiền		31.171.417.916	12.630.478.094
112	2. Các khoản tương đương tiền		58.700.000.000	76.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		73.990.879.270	105.990.879.270
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	20.990.879.270	20.990.879.270
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	53.000.000.000	85.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		85.762.874.382	96.699.214.380
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	85.334.853.076	82.840.187.377
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	411.346.700	10.763.208.029
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	7	751.087.051	3.830.231.419
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	6.1	(734.412.445)	(734.412.445)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho		322.380.348	182.723.946
141	1. Hàng tồn kho	9	322.380.348	182.723.946
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.565.628.592	544.044.378
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.565.628.592	544.044.378
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		130.966.500.578	62.171.254.507
210	I- Các khoản phải thu dài hạn			
220	II. Tài sản cố định		53.882.796.481	60.068.733.997
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	53.882.796.481	60.068.733.997
222	- Nguyên giá		146.413.148.885	146.544.633.347
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(92.530.352.404)	(86.475.899.350)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
227	3. Tài sản cố định vô hình			
230	III. Bất động sản đầu tư			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	77.083.704.097	255.717.727
241	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		77.083.704.097	255.717.727
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn			1.500.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.3		1.500.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	VI. Tài sản dài hạn khác			346.802.783
261	1. Chi phí trả trước dài hạn			
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	21.2		346.802.783
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		384.479.681.086	354.718.594.575

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIỀN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2017

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	C - NỢ PHẢI TRẢ		74.710.718.248	37.262.038.441
310	I. Nợ ngắn hạn		74.710.718.248	37.262.038.441
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11.	32.241.908.304	18.379.564.697
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12.	1.034.364.197	1.188.501.146
314	4. Phải trả người lao động		5.921.709.515	6.882.811.347
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13.	10.445.381.784	2.467.872.462
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	14.	16.676.918.246	1.002.094.920
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		2.109.193.683	
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15.	6.281.242.519	7.341.193.869
330	II. Nợ dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
400	D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		309.768.962.838	317.456.556.134
410	I. Vốn chủ sở hữu	16.	309.768.962.838	317.456.556.134
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		131.040.000.000	131.040.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		131.040.000.000	131.040.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		53.070.783.332	53.070.783.332
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		114.353.432.657	109.522.730.952
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.295.736.669	23.823.041.850
421a	- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.197.239.414	1.197.239.414
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm này		10.098.497.255	22.625.802.436
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		9.010.180	
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		384.479.681.086	354.718.594.575

Võ Thị Ngọc Diễm
Người lậpTrần Thị Lý
Kế toán trưởngTrần Văn Quỳnh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 7 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIỀN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ 2 NĂM 2017**

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	17.1	49.717.562.541	52.339.048.382	92.450.223.077	98.235.097.652
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)		49.717.562.541	52.339.048.382	92.450.223.077	98.235.097.652
11	4. Giá vốn hàng bán		41.310.817.087	36.923.221.759	73.613.502.674	72.890.857.641
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.406.745.454	15.415.826.623	18.836.720.403	25.344.240.011
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	2.504.807.640	1.491.713.554	2.546.054.512	2.484.495.009
22	7. Chi phí tài chính				18.366.667	
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay				18.366.667	
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					
25	9. Chi phí bán hàng					
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.	3.606.857.023	5.756.124.137	7.892.780.116	8.908.316.644
30	11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}		7.304.696.071	11.151.416.040	13.471.628.132	18.920.418.376
31	12. Thu nhập khác	19.	399.323.911		1.007.448.711	
32	13. Chi phí khác	19.	1.067.236.542		1.422.982.056	
40	14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	19.	(667.912.631)		(415.533.345)	
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		6.636.783.440	11.151.416.040	13.056.094.787	18.920.418.376
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.1	1.327.922.300	2.255.283.208	2.611.784.569	3.837.283.675
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	21.2			346.802.783	
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)		5.308.861.140	8.896.132.832	10.097.507.435	15.083.134.701
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		5.309.850.961	8.896.132.832	10.098.497.255	15.083.134.701
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(989.820)		(989.820)	
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.4	405	617	771	1.046
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu					

 Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

 Trần Thị Lý
Kế toán trưởng

 Trần Văn Quỳnh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 7 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 2 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	1. Lợi nhuận trước thuế		13.056.094.787	18.920.418.376
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	8.	6.185.937.516	6.876.883.470
03	- Các khoản dự phòng		2.109.193.683	489.651.000
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			(2.484.495.009)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.546.054.512)	
06	- Chi phí lãi vay		18.366.667	
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		18.823.538.141	23.802.457.837
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		4.797.755.784	24.647.746.445
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(139.656.402)	89.264.916
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		18.747.922.921	10.364.163.976
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước			
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(18.366.667)	
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.801.766.198)	(5.430.099.143)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.130.252.081)	(1.241.437.185)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		36.279.175.498	52.232.096.846
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(74.711.290.188)	(41.300.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(37.000.000.000)	(50.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		69.000.000.000	14.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.3	1.500.000.000	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.663.054.512	1.915.349.223
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(35.548.235.676)	(34.125.950.777)

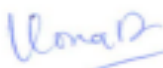
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 2 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		10.000.000	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		76.000.000.000	
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(76.000.000.000)	
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		10.000.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		740.939.822	18.106.146.069
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		89.130.478.094	62.379.525.497
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	89.871.417.916	80.485.671.566



Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập



Trần Thị Lý
Kế toán trưởng



Trần Văn Quỳnh
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 7 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 2 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên ("Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải trực thuộc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 theo Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ cấp ngày 21 tháng 1 năm 2000. Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 4 năm 2000 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho đường thủy; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Bốc xếp hàng hóa. Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Bán buôn xi măng, gạch xây, cát, đá, sỏi.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HTV theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2005.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 296 Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30/6/2017, Công ty có Công ty con, thông tin về công ty con như sau:

- Tên công ty: Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ Thủ Đức
- Địa chỉ: Phòng 1606, lầu 16, tòa nhà Sailing, 111A Pasteur, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
- Tỷ lệ lợi ích: 65%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 65%

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2017

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (Thông tư số 200) và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (Thông tư số 202) ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

2.3 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.4 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm đầu tiên của Công ty con bắt đầu từ ngày 07/03/2017 đến ngày 31/12/2017.

2.5 Cơ sở hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty và công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2017

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu là nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ, với giá trị được xác định theo chi phí mua trên cơ sở bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nhiên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Khấu hao tài sản cố định hữu hình

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải đường thủy	10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7 Các khoản đầu tư***Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2017

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty và công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và Công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và Công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và Công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.10 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và Công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền cho thuê

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2017

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.12 Ghi nhận giá vốn

Giá vốn bao gồm các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhân công, chi phí thuê ngoài.

3.13 Thuế***Thuế thu nhập hiện hành***

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và Công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và Công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 2 năm 2017

thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và Công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty và công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI HÀ TIỀN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2017

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	640.935.799	13.115.962
Tiền gửi ngân hàng	30.530.482.117	12.617.362.132
Các khoản tương đương tiền (*)	58.700.000.000	76.500.000.000
TỔNG CỘNG	89.871.417.916	89.130.478.094

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất bình quân 5,5%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc	Giá gốc
Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
20.990.879.270	20.990.879.270
24.505.632.000	22.228.560.000

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn (*)

- Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Sài Gòn (*)

TỔNG CỘNG

Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc	Giá gốc
Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
16.000.000.000	85.000.000.000
37.000.000.000	85.000.000.000
53.000.000.000	85.000.000.000

(*) Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có thời hạn gốc trên ba tháng và hưởng lãi suất bình quân dao động từ 5,3% đến 6,8%/năm.

5.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ

Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Giá trị (VND)	Giá trị (VND)
5	1.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2017

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

VND

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 22)

Phải thu từ khách hàng khác

TỔNG CỘNG

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

GIÁ TRỊ THUẦN

Số cuối kỳ

Số đầu năm

68.667.604.528

72.961.162.680

16.667.248.548

9.879.024.697

85.334.853.076

82.840.187.377

(734.412.445)

(734.412.445)

84.600.440.631

82.105.774.932

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

VND

Số cuối kỳ

Số đầu năm

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Huy Hiền

Công ty TNHH MTV DV Kỹ thuật Hoàng Hải

Công ty CP SX Thiết bị điều khiển và báo hiệu

Các nhà cung cấp khác

TỔNG CỘNG

120.000.000

9.930.000.000

194.242.500

97.104.200

411.346.700

833.208.029

10.763.208.029

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

Số cuối kỳ

Số đầu năm

Lãi dự thu

Phải thu khác

Ký quỹ thực hiện hợp đồng

Tạm ứng

TỔNG CỘNG

3.117.000.000

88.296.778

303.231.419

390.000.000

410.000.000

272.790.273

751.087.051

3.830.231.419

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIẾN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 2 năm 2017

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải đường thủy	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	2.267.622.014	141.241.618.016	3.035.393.317	146.544.633.347
Mua trong kỳ				
Tăng khác		358.003.389		358.003.389
Thanh lý	(131.484.462)		(358.003.389)	(131.484.462)
Giảm khác				(358.003.389)
Số cuối kỳ	2.136.137.552	141.599.621.405	2.677.389.928	146.413.148.885
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	2.136.137.552	20.503.401.603	1.237.917.201	23.877.456.356
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	(2.267.622.014)	(82.165.098.800)	(2.043.178.536)	(86.475.899.350)
Khấu hao trong kỳ		(6.054.811.002)	(131.126.514)	(6.185.937.516)
Tăng khác		(358.003.389)		(358.003.389)
Thanh lý	131.484.462		358.003.389	131.484.462
Giảm khác				358.003.389
Số cuối kỳ	(2.136.137.552)	(88.577.913.191)	(1.816.301.661)	(92.530.352.404)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	-	59.076.519.216	992.214.781	60.068.733.997
Số cuối kỳ	-	53.021.708.214	861.088.267	53.882.796.481

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIỀN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2017

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhiên liệu và vật liệu	309.417.073	164.899.443
Công cụ, dụng cụ	12.963.275	17.824.503
TỔNG CỘNG	322.380.348	182.723.946

10. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư mới phương tiện vận tải thủy	77.083.704.097	255.717.727
TỔNG CỘNG	77.083.704.097	255.717.727

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	32.241.908.304	17.891.441.573
- Doanh nghiệp Tư nhân Trung Tài	9.455.988.580	8.066.247.872
- Công ty TNHH MTV Chí Thành Đạt	4.223.525.437	2.062.913.322
- Phải trả đối tượng khác	18.562.394.287	7.762.280.379
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 22)		488.123.124
TỔNG CỘNG	32.241.908.304	18.379.564.697

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	981.119.517	1.171.101.146
Thuế thu nhập cá nhân	53.244.680	17.400.000
TỔNG CỘNG	1.034.364.197	1.188.501.146

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2017**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa tài sản cố định		2.292.498.643
Chi phí thuê ngoài	9.382.206.994	
Chi phí khác	1.063.174.790	175.373.819
TỔNG CỘNG	10.445.381.784	2.467.872.462
Trong đó:		
Phải trả bên khác	9.991.002.271	2.467.872.462
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	454.379.513	

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	352.925.314	285.596.314
Cổ tức phải trả	15.728.102.200	3.302.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	233.890.732	471.213.409
Nhận ký quỹ, ký cược	362.000.000	241.982.997
TỔNG CỘNG	16.676.918.246	1.002.094.920
Trong đó:		
Phải trả bên khác	8.802.085.046	1.002.094.920
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 22)	7.874.833.200	

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Kỳ này	Năm trước
Số đầu năm	7.341.193.869	3.667.394.126
Trích lập quỹ trong kỳ	2.070.300.731	5.918.660.838
Sử dụng quỹ trong kỳ	(3.130.252.081)	(2.244.861.095)
Số cuối kỳ	6.281.242.519	7.341.193.869

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Quý 2 năm 2017

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU
16.1 *Tính hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
6 tháng đầu năm trước						
Số đầu năm	131.040.000.000	53.070.783.332	93.984.522.332	35.758.108.872		313.853.414.536
Lợi nhuận thuần trong kỳ				15.083.134.701		15.083.134.701
Cổ tức công bố				(13.104.000.000)		(13.104.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển			15.538.208.620	(15.538.208.620)		-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi				(5.918.660.838)		(5.918.660.838)
Số cuối kỳ	131.040.000.000	53.070.783.332	109.522.730.952	16.280.374.115	-	309.913.888.399
6 tháng đầu năm nay						
Số đầu năm	131.040.000.000	53.070.783.332	109.522.730.952	23.823.041.850		317.456.556.134
Lợi nhuận thuần trong kỳ				10.098.497.255	(989.820)	10.097.507.435
Tăng khác				(15.724.800.000)	10.000.000	10.000.000
Cổ tức công bố			4.830.701.705	(4.830.701.705)		(15.724.800.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển				(2.070.300.731)		(2.070.300.731)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi				11.295.736.669	9.010.180	309.768.962.838
Số cuối kỳ	131.040.000.000	53.070.783.332	114.353.432.657			

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIỀN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2017

16.2 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	13.104.000	13.104.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

16.3 Cổ tức

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong kỳ		
Cổ tức đã công bố trong kỳ	15.724.800.000	13.104.000.000

16.4 Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	5.308.861.140	8.896.132.832
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi (*)		(814.011.806)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	5.308.861.140	8.082.121.026
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	13.104.000	13.104.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	405	617

17. DOANH THU**17.1 Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu vận tải đường thủy	43.231.039.541	50.407.298.358
Doanh thu vận tải đường bộ	4.351.053.693	
Doanh thu bốc dỡ	728.421.673	1.735.448.648
Doanh thu cho thuê kho	349.090.908	196.301.376
Doanh thu bán xi măng	1.057.956.726	
TỔNG CỘNG	49.717.562.541	52.339.048.382
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	15.442.940.470	15.718.062.967
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 22)	34.274.622.071	36.620.985.415

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi	2.504.807.640	1.491.713.554
TỔNG CỘNG	2.504.807.640	1.491.713.554

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIÊN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2017

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	729.021.633	1.911.409.604
Chi phí nhân viên	1.682.468.360	1.614.448.796
Chi phí khấu hao tài sản	65.563.257	60.788.256
Chi phí khác	1.129.803.773	2.169.477.481
TỔNG CỘNG	3.606.857.023	5.756.124.137

19. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập khác	399.323.911	
Phí lưu bến Sàlan	363.630.360	
Thu nhập khác	35.693.551	
Chi phí khác	1.067.236.542	
Chi phí khác	1.067.236.542	
GIÁ TRỊ THUẦN	(667.912.631)	

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.378.567.750	25.398.441.088
Chi phí nhân viên	8.969.767.730	8.480.928.999
Chi phí nhiên liệu và vật liệu	3.270.587.610	3.012.318.397
Chi phí khấu hao tài sản	3.092.968.758	3.439.168.116
Chi phí khác	1.205.782.262	2.348.489.296
TỔNG CỘNG	44.917.674.110	42.679.345.896

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**21.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.327.922.300	2.255.283.208
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		
TỔNG CỘNG	1.327.922.300	2.255.283.208

21.2 Thuế TNDN hoãn lại

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí phải trả ngắn hạn		346.802.783		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		346.802.783		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÀ TIỀN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2017

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
				VND
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	22.573.289.887	33.345.471.288
CN Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1- XN tiêu thụ và dịch vụ	Bên liên quan	Mua hàng hóa	1.032.361.000	-
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	9.472.943.696	2.550.030.876
		Phí lưu bến Sà lan	363.630.360	
Công ty TNHH Siam City cement Việt Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.228.388.488	725.483.251
Công ty Tài chính cổ phần Xi măng	Bên liên quan	Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	325.722.223

Thủ lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
		VND
Hội đồng Quản trị	126.000.000	126.000.000
Ban Kiểm soát	39.000.000	39.000.000
	165.000.000	165.000.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán quý được trình bày như sau:

Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 6.1)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
				VND
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	58.532.276.989	68.319.356.848
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	7.684.100.202	2.203.202.015
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.451.227.337	2.438.603.817
			68.667.604.528	72.961.162.680

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI HÀ TIỀN

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2017

Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 13 và thuyết minh số 14)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Bên liên quan	Chi phí tiện ích		11.077.104
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Bên liên quan	Doanh thu quản lý, tư vấn	454.379.513	477.046.020
		Cổ tức phải trả	7.874.833.200	
			8.329.212.713	488.123.124

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Dưới 1 năm	300.596.640	1.642.147.140
Từ 1 đến 5 năm	3.120.000.000	2.278.522.255
TỔNG CỘNG	3.420.596.640	3.920.669.395


Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

Ngày 28 tháng 7 năm 2017


Trần Thị Lý
Kế toán trưởng




Trần Văn Quỳnh
Tổng Giám đốc